

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v “TrAh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn ThAh Tùng**

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Ah** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Tô Minh Phú** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về “TrAh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 1987 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 430C, khu vực E, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Bùi Hoàng T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 430C, khu vực E, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Qua tìm hiểu bà và ông Bùi Hoàng T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thường Thạnh, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 13/02/2012.

Bà và ông T sống hạnh phúc được hơn 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng qua điếm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông T có thói nghi ngờ thường xuyên nói những lời khó nghe, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà A làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà vấn đề sau:

+ Về qua hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với ông Bùi Hoàng T.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Ái B (nữ), sinh ngày 21/9/2015 và Bùi Trọng T (nam), sinh ngày 14/01/2019. Hiện tại cháu B và cháu T đang sống với gia đình, sau khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Bùi Hoàng T: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Vụ án được hòa giải không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu qua điếm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông T đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Bùi Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Thường Thạnh, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 13/02/2012 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà A và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quA hệ pháp luật được xác định là “*TrAh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên trAh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không đồng ý ly hôn cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quA hệ hôn nhân: Bà A và ông T chung sống năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2012 tại Ủy bA nhân dân phường Thường Thạnh, quận C, thành phố Cần Thơ. Bà A và ông T sống hạnh phúc một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quA điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà A xác nhận bà và ông T chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quA điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông T luôn có Th nghi ngờ, ghen tuông, gây áp lực tâm lý đối với bà A. Tại phiên tòa hôm nay ông T tiếp tục vắng mặt mặc dù ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt cho nên được xem là từ bỏ quyền trAh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà A, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quA điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ông T luôn có Th nghi ngờ, ghen tuông, gây áp lực tâm lý đối với bà A cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành cho nên bà A khởi kiện xin ly hôn.

Mặt khác, ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà

giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà A và ông T đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà A khai có 02 con chung tên Bùi Ái B (nữ), sinh ngày 21/9/2015 và Bùi Trọng T (nam), sinh ngày 14/01/2019. Hiện tại cháu B và cháu T đang sống với gia đình, sau khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền *của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/3/2024 thì cháu B có nguyện vọng sống với mẹ (BL36). Ngoài ra, hiện tại cháu B và cháu T đang sống chung với gia đình. Sau khi ly hôn bà A cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu B và cháu T tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Vì vậy, việc giao cháu B và cháu T cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A về việc ly hôn với ông Bùi Hoàng T.

1. Về quA hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn với ông Bùi Hoàng T

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Ái B (nữ), sinh ngày 21/9/2015 và Bùi Trọng T (nam), sinh ngày 14/01/2019. Giao cháu B và cháu T cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai trAh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số

0003235 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà A đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAD TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến